TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/HC-ST
Ngày: 22-8-2023
"V/v kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hòa và ông Lê Ngọc Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 78/2023/TLST-HC ngày 27/4/2023, về việc "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐST-HC ngày 25/7/2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1974; địa chỉ: 190B HV, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2023)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Trương Văn C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố BT, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Võ Quang H – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố BT, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Kim P; địa chỉ: 190B HV, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kiều Quang V – Phó Chủ tịch UBND phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Như T trình bày:

Diện tích 300m^2 đất và tài sản trên đất tại địa chỉ: 190 HV, phường TA, thành phố BT là do mẹ của bà T là bà Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng của ông Đặng Hoàng L có sự xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 10/4/1981. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà T sử dụng ổn định.

Năm 1997 do hiện trạng đường HV nối dài chỉ là con đường đất hẹp chiều ngang mặt đường khoảng gần 3m, thành phố đã tiến hành mở rộng về cả hai bên đường và phần đất mà nhà bà T bị mất do mở đường gần 1m chiều dài tính từ ranh đất hiện hữu của gia đình bà T nhưng không nhận được đền bù, hỗ trợ.

Ngày 10/9/2003, gia đình bà T xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND tỉnh cấp GCNQSDĐ số 4001070586 với diện tích 98,73m^2 nhưng chỉ công nhận 55,20m^2 là đất ở mà không được sự giải thích của cơ quan cấp giấy thời điểm đó. Phần đất còn lại trong hạn mức nhưng không được ghi nhận là đất ở mặc dù gia đình bà T vẫn sử dụng ổn định đến nay. Phần diện tích này theo bản vẽ hiện trạng vị trí cấp giấy chứng nhận đã duyệt nội nghiệp có diện tích là 33,95m^2, trong đó có diện tích bị thu hồi là 11,3m^2.

Ngày 16/02/2023, bà T nhận được Quyết định số 10567/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; Thông báo số 04/TB-TTPTQĐ ngày 10/01/2023.

Bà T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 10567/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố BT vì nội dung quyết định xác định 11,3m^2 thu hồi là đất nông nghiệp là không đúng, vì phần đất này gia đình nhận chuyển nhượng trước đây là đất ở nằm trong hạn mức đất ở đô thị , mục đích sử dụng là đất ở và thời gian sử dụng là ổn định, lâu dài từ năm 1981 đến nay và đã được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất trước thời điểm có quyết định phê duyệt dự án. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 phần đất nhà tôi cũng chưa thể hiện chỉ giới quy hoạch đường giao thông.

Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố BT vì nội dung quyết định xác định đơn giá đất bồi thường là thấp, không đúng quy định pháp luật, cụ thể: Quyết định trên căn cứ vào các Quyết định 8868/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 và Quyết định 8880/QĐ-UB ngày 19/10/2022 của UBND thành phố BT để xây dựng, tính và phê duyệt áp đơn giá bồi thường đất ở là sai quy định vì thẩm quyền này thuộc Hội đồng thẩm định giá đất, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh tham mưu để UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt hệ số giá đất theo đơn giá thị trường chứ UBND thành phố BT không có thẩm quyền phê duyệt giá đất.

Đồng thời buộc UBND thành phố BT ban hành quyết định mới đền bù loại đất và giá đất thu hồi đúng với nguồn gốc tạo lập, sử dụng ổn định lâu dài trước thời điểm có quyết định phê duyệt dự án; mục đích sử dụng là đất ở trong hạn mức công nhận theo quy định của pháp luật đất đai.

Bà T rút yêu cầu xem xét giải quyết hỗ trợ chi phí hoàn thiện công trình còn lại theo kỹ thuật thiết kế theo như nội dung đơn khởi kiện.

Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Về đất: Đất của ông T1 có nguồn gốc sử dụng trước năm 1975, khoảng năm 1980 ông T1 chuyển nhượng một phần thửa đất cho bà Nguyễn Thị N. Năm 2002 bà N chuyển nhượng cho ông Trần Kim P. Ngày 10/9/2003, bà Nguyễn Thị Như T và ông Trần Kim P được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 4001070586 tại thửa đất số 4A, tờ bản đồ số 8, diện tích 55,2m^2 đất ở tại đô thị.

Diện tích thửa đất đo đạc theo hiện trạng là 89,6m^2, tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 34,4m^2, là do khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã trừ phần diện tích thuộc quy hoạch đường có cùng nguồn gốc với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T và ông P sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích thu hồi là 11,3m^2 đất thuộc chỉ giới quy hoạch đường không công nhận là đất ở (Căn cứ khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Luật Đất đai 2013 thì việc xác định loại đất căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất).

Như vậy, việc UBND thành phố BT ban hành Quyết định số 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường HV (đoạn từ đường NCT đến đường NC), phường TA, thành phố BT (giai đoạn 1 – Đợt 1) và Quyết định 10568/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Như T và ông Trần Kim P là đúng quy định.

Chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại:

Theo tiêu chuẩn kĩ thuật tương đương của nhà ở, công trình trước khi bị phá dỡ chỉ áp dụng đối với trường hợp xây dựng nhà ở trên đất ở (Căn cứ Điều 14 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk). Đối với bà T, ông P chỉ bị ảnh hưởng tới vật kiến trúc xây dựng trên đất nông nghiệp nên không có cơ sở hỗ trợ.

Đơn giá bồi thường:

Căn cứ Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất và tính tiền sử dụng đất để giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Thông tư 36/2014/TT-NTNMT ngày 30/6/2014.

Ngày 18/10/2022, UBND thành phố BT bàn hành Quyết định số 8868/QĐ-UBND và Quyết định số 8880/QĐ-UBND ngày 19/10/2022, về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nươc thu hồi đất để xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn thành phố BT, trong đó có thửa đất số 58 mảnh trích đo địa chính số TĐ-2020 (DC2, DC3) của gia đình bà Nguyễn Thị Như T thuộc công trình Đường HV (đoạn từ NCT đến đường NC).

Do vậy, việc UBND thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Đường HV (đoạn từ đường NCT đến đường NC), phường TA, thành phố BT (giai đoạn 1 – Đợt 1) đối với bà Nguyễn Thị Như T, ông Trần Kim P là đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T.

Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân phường TA, thành phố BT trình bày: UBND phường TA, thành phố BT giữ nguyên quan điểm theo Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 02/11/2022 giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố BT và UBND phường TA.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Kim P trình bày: Ông P đã có bản tự khai với nội dung thống nhất với ý kiến của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Như T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Thống nhất với nội dung tự khai của người bị kiện và không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà T là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 143, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T về hỗ trợ chi phí hoàn thiện công trình bị ảnh hưởng.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T về: Hủy bỏ Quyết định số 10567/QĐ- UBND ngày 27/12/2022 về việc thu hồi đất và một phần Quyết định 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Đường HV (đoạn từ NCT đến đường NC) thành phố BT (giai đoạn 1); bác yêu cầu khởi kiện về buộc UBND thành phố BT ban hành quyết định mới về đền bù loại đất theo giá đất ở của bà Nguyễn Thị T, ông Trần Kim P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Đại T là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Trương Văn C là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, Uỷ ban nhân dân phường TA và ông Trần Kim P là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự trên là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Quan hệ tranh chấp được xác định là *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* được quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 27/12/2022 UBND thành phố BT ban hành Quyết định 10567/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Như T và ông Trần Kim P, cùng ngày UBND thành phố BT ban hành Quyết định số 10550/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường HV (đoạn từ đường NCT đến đường NC), phường TA, thành phố BT (giai đoạn 1- Đợt 1). Không đồng ý với các quyết định trên ngày 07/4/2023 bà T khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xem xét hỗ trợ chi phí hoàn thiện công trình còn lại theo kỹ thuật thiết kế. Xét thấy việc rút một phần đơn khởi kiện của người khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của bà Nguyễn Thị Như T.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy Quyết định 10567/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Như T và ông Trần Kim P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2.1] Về trình tự thủ tục ban hành quyết định: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND cấp huyện thu hồi đất đối với hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư. Căn cứ quy định trên thì UBND thành phố BT ban hành quyết định thu hồi đất của bà T đúng thẩm quyền.

Việc thu hồi đất của bà T để xây dựng đường HV (đoạn từ đường NCT đến đường NC), phường TA, thành phố BT (giai đoạn 1 – Đợt 1) căn cứ điểm b khoản 3 Điều 62, Điều 63 Luật Đất đai 2013 thì UBND thành phố BT thu hồi đất của bà T là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, Quyết định 10567/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố BT ban hành đúng thẩm quyền và trình tự theo quy định.

[2.2.2] Về nội dung: Bà T cho rằng UBND thành phố thu hồi của bà T 11,3m^2 xác định thu hồi đất trồng cây hàng năm khác là không đúng quy định vì đất của bà T là đất ở, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4001070586 cấp ngày 10/9/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị như T và ông Trần Kim P tại thửa đất số 4A, tờ bản đồ số 8, thể hiện: tổng diện tích bà T sử dụng là 98,73m^2, diện tích đất ở tại đô thị: 55,2m^2. Sơ đồ trong Giấy chứng nhận thể hiện: phần diện tích trong quy hoạch đường giao thông: 33,95m^2, phần diện tích đất 11,3m^2 bị thu hồi nằm ngoài diện tích đất ở được cấp và nằm trong quy hoạch đường giao thông. Theo quy định tại Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 thì việc xác định loại đất căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T năm 2003 đã không công nhận quyền

sử dụng đất thuộc lộ giới, chỉ giới quy hoạch. Mặc khác, quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T cũng không có ý kiến hay có khiếu nại gì về diện tích được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, trong quyết định thu hồi đất UBND thành phố BT xác định thu hồi 11,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác là đúng quy định.

Do vậy, bà T yêu cầu hủy Quyết định 10567/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Như T và ông Trần Kim P là không có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy Quyết định 10550/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường HV (đoạn từ đường NCT đến đường NC), phường TA, thành phố BT (giai đoạn 1 – Đợt 1) vì bà T cho rằng đền bù cho bà 11,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác là không đúng mà phải bồi thường đất ở, giá bồi thường thấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với ý kiến về việc bồi thường 11,3m^2 đất ở, như đã phân tích ở mục [2.2] thì diện tích đất 11,3m^2 mà UBND thành phố BT thu hồi của bà T xác định đất trồng cây hàng năm khác là đúng quy định. Bởi lẽ, diện tích 11,3m^2 thu hồi của bà T nằm trong quy hoạch đường giao thông. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T năm 2003 đã không công nhận quyền sử dụng đất thuộc lộ giới, chỉ giới quy hoạch. Do đó, UBND thành phố BT xác định diện tích 11,3m^2 thu hồi của hộ bà T là đất trồng cây hàng năm khác và bồi thường theo giá đất trồng cây hàng năm khác là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của bà T về giá đất bồi thường thấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 29/12/2021, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định 3750/QĐ-UBND về việc " *Uỷ quyền phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư"*. Ngày 18/10/2022, UBND thành phố BT ban hành Quyết định số 8868/QĐ-UBND và Quyết định số 8880/QĐ-UBND ngày 19/10/202*2 về phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn thành phố BT"*. Trong đó: Vị trí thửa đất bồi thường và giá đất bồi thường của ông Trần Kim P, bà Nguyễn Thị Như T được xác định đất trồng cây hàng năm khác, vị trí 3, tổ dân phố 1, phường TA, thành phố BT có giá đất 2.500.000 đồng/m^2.

Trước khi ban hành quyết định phê duyệt giá đất thì UBND thành phố BT đã thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, giá đất áp dụng để tính tiền bồi thường về đất được phê duyệt tại Quyết định số 8868/QĐ-UBND và Quyết định số 8880/QĐ-UBND được dựa trên giá đất cụ thể sau khi điều tra, thu thập thông tin về thửa đất, giá đất thị trường và thông tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai, phù hợp với từng vị trí thửa đất bị thu hồi do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Như vậy, việc UBND thành phố BT tính giá đất 2.500.000 đồng/m^2 đối với hộ bà T là có căn cứ. Mặc khác, do không có căn cứ chấp nhận việc bồi thường về loại đất ở nên các yêu cầu

khác liên quan đến việc xem xét về giá đất của bà T cũng không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là không có căn cứ nên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T về việc:

Hủy Quyết định 10567/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Như T và ông Trần Kim P.

Hủy một phần Quyết định số 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường HV (đoạn từ đường NCT đến đường NC), phường TA, thành phố BT (giai đoạn 1 – Đợt 1) đối với hộ bà Nguyễn Thị Như T.

Buộc UBND thành phố BT ban hành quyết định mới bồi thường 11,3m^2 đất thu hồi theo giá đất ở.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Như T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 157; Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng Điều 11; điểm b khoản 3 Điều 62; Điều 63; khoản 2 Điều 66; khoản 3 Điều 69; Điều 74; Điều 75 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T đối với yêu cầu xem xét hỗ trợ chi phí hoàn thiện công trình còn lại theo kỹ thuật thiết kế.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T về việc:

Hủy Quyết định 10567/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Như T và ông Trần Kim P.

Hủy một phần Quyết định số 10550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường HV (đoạn từ đường NCT đến đường NC), phường TA, thành phố BT (giai đoạn 1 – Đợt 1) đối với hộ bà Nguyễn Thị Như T.

Buộc UBND thành phố BT ban hành quyết định mới bồi thường 11,3m^2 đất thu hồi theo giá đất ở.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Như T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0002101 ngày 21/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo:

Người khởi kiện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.